

CARBOCISTEIN DWP 375 MG

Để xa tầm tay trẻ em

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng



1. THÀNH PHẦN CÔNG THỨC THUỐC

Thành phần dược chất: Carbocistein 375 mg

Mã ATC: R05CB03.

Nhóm dược lý: Thuốc long đờm

Thành phần tá dược: Cellulose vi tinh thể, PVP K30, Croscarmellose sodium, Sodium lauryl sulfate, Magnesium stearate, Vỏ nang cứng (Gelatin, Titanium dioxide, Quinoline yellow, FD&C Blue No.1, Iron oxide yellow, Nước tinh khiết).

2. DẠNG BÀO CHẾ

Viên nang cứng.

Mô tả: Viên nang cứng màu xanh – trắng, nang lạnh lặn, thuốc bên trong màu trắng đến trắng ngà.

3. CHỈ ĐỊNH

Điều trị hỗ trợ trong các bệnh lý đường hô hấp có tăng tiết chất nhầy, kể cả bệnh tắc nghẽn đường hô hấp mạn tính.

4. CÁCH DÙNG, LIỀU DÙNG

Thuốc dùng đường uống.

Người lớn (kể cả người cao tuổi): Liều khởi đầu là 2 viên x 3 lần/ngày. Nên giảm xuống 1 viên x 4 lần/ngày khi đã đạt được đáp ứng mong muốn.

Trẻ em: Không khuyến cáo.

5. CHỐNG CHỈ ĐỊNH

Quá mẫn với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Bệnh nhân loét dạ dày tá tràng tiến triển.

6. CẢNH BÁO VÀ THẬN TRỌNG KHI DÙNG THUỐC

Cần thận trọng ở người cao tuổi, những người có tiền sử loét dạ dày tá tràng, hoặc những người dùng đồng thời với các thuốc có thể gây xuất huyết tiêu hóa. Nếu bị xuất huyết tiêu hóa, bệnh nhân nên ngừng thuốc.

7. SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ

Phụ nữ có thai

Chưa có dữ liệu về việc sử dụng carbocistein ở phụ nữ mang thai. Chưa có kết luận nào về việc liệu carbocistein có an toàn để sử dụng trong thai kỳ hay không. Việc sử dụng carbocistein ở phụ nữ mang thai không được khuyến cáo, đặc biệt là trong ba tháng đầu.

Phụ nữ cho con bú

Chưa có dữ liệu về sự hiện diện của carbocistein trong sữa mẹ, sự bài tiết qua sữa, hoặc ảnh hưởng đến trẻ sơ sinh bú mẹ. Chưa có kết luận nào về việc liệu carbocistein có an toàn để sử dụng.

dụng trong thời kỳ cho con bú hay không. Việc sử dụng carbocistein ở phụ nữ đang cho con bú không được khuyến cáo.

Khả năng sinh sản

Không có bằng chứng nhất quán về ảnh hưởng của carbocistein đối với khả năng sinh sản ở nam và nữ.

8. ẢNH HƯỞNG CỦA THUỐC LÊN KHẢ NĂNG LÁI XE, VẬN HÀNH MÁY MÓC

Carbocistein không ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng không đáng kể đến khả năng lái xe hoặc vận hành máy móc.

9. TƯƠNG TÁC, TƯƠNG Kỵ CỦA THUỐC

*** Tương tác của thuốc**

Chưa ghi nhận.

*** Tương kỵ của thuốc:** Do không có các nghiên cứu về tính tương kỵ của thuốc, không trộn lẫn thuốc này với các thuốc khác.

10. TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN CỦA THUỐC

Tần suất các tác dụng không mong muốn được phân loại như sau: Rất thường gặp ($\geq 1/10$), thường gặp ($\geq 1/100$, $< 1/10$), ít gặp ($\geq 1/1.000$, $< 1/100$), hiếm gặp ($\geq 1/10.000$, $< 1/1.000$), rất hiếm gặp ($< 1/10.000$), không rõ (không thể ước tính từ dữ liệu sẵn có).

Rối loạn miễn dịch

Đã có báo cáo về phản ứng dạng phản vệ, phát ban dị ứng trên da và ban đỏ nhiễm sắc cố định.

Rối loạn tiêu hóa

Đã có báo cáo về tiêu chảy, buồn nôn, khó chịu vùng thượng vị và xuất huyết tiêu hóa xảy ra trong quá trình điều trị bằng carbocistein.

Không rõ tần suất: nôn, xuất huyết tiêu hóa.

Rối loạn da và mô dưới da

Đã có báo cáo về phát ban và phát ban dị ứng trên da. Một số trường hợp cá biệt mắc bệnh da bong nước như hội chứng Stevens-Johnson và hồng ban đa dạng cũng đã được báo cáo.

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ những phản ứng có hại gặp phải khi sử dụng thuốc.

11. QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ

Rửa dạ dày có thể có ích, sau đó là theo dõi bệnh nhân. Rối loạn tiêu hóa là triệu chứng thường gặp nhất khi dùng quá liều carbocistein.

12. QUY CÁCH ĐÓNG GÓI

Hộp 3 vỉ x 10 viên.

Hộp 6 vỉ x 10 viên.

13. ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN

Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C.

14. HẠN DÙNG

36 tháng kể từ ngày sản xuất.

15. TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG THUỐC

TCCS:

16. TÊN, ĐỊA CHỈ CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT THUỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM WEALPHAR

Lô CN5, Khu công nghiệp Thụy Vân, Phường Nông Trang, Tỉnh Phú Thọ